TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/3/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST – HNGĐ ngày 07/02/2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 05/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Số A, tổ B, khu E, ấp C, xã AP, huyện LT, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1953.
Địa chỉ: Số A, tổ B, khu E, ấp C, xã AP, huyện LT, Đồng Nai.

Bà G có mặt; ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị G trình bày:***

Bà và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2013 tới nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn, ông Lê Văn C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng thống nhất ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà G, ông C được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xác định là hôn nhân hợp pháp. Khi có yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Ngày 02/02/2018, bà Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Văn C. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn C là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại xã AP, huyện LT, Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Lê Văn C có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của bà G và ông C đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2010/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Bà G và ông C tuy đã sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận. Nay, bà G có đơn xin ly hôn, Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: Bà G phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; khoản 1 Điều 228; Điều 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11, 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2010/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: bà G phải nộp 300.000 đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 005387 ngày 06/02/2018.

Bà G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định Ca pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung